

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 14 tháng 3 năm 2024.

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hữu Thạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Liêm.

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:** không.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**Bị đơn:** Bà Thị Thu B, sinh năm 1977. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vào ngày 21/10/2022 bà Thị Thu B có đến nhà hỏi vay bà M số tiền là 10.000.000đ, lãi suất là 15% tháng, thỏa thuận sau ba tháng sẽ trả lại tiền cho bà M, bà B trả lãi được hai tháng với số tiền là 1.500.000đ, việc cho bà B vay tiền, thời hạn trả và việc giao nhận tiền và trả lãi các bên không có lập văn bản, đến nay bà B vẫn chưa trả lại cho bà M số tiền gốc, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà Thị Thu B trả nhưng bà B vẫn không trả.

Nay bà M yêu cầu bà Thị Thu B trả số tiền là 10.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Thị Thu B có đơn xin vắng mặt tại các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bà trình bày:

Vào ngày 21/10/2022 bà B có hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị M số tiền là 10.000.000đ, không có thỏa thuận thời gian trả, khi nào có tiền sẽ trả, lãi suất

mỗi tháng 1.500.000đ, bà B đã đóng lãi cho bà M được tám tháng số tiền là 12.000.000đ, việc vay tiền và giao nhận tiền và việc trả lãi không có lập văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Nay bà B thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 10.000.000đ, đồng ý trả cho bà M số tiền gốc 10.000.000đ, do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi trả hết số nợ, đối với tiền lãi đã đóng cho bà M bà B không có yêu cầu tính lãi lại.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Thị Thu B có địa chỉ thường trú tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Thị Thu B trả số tiền vay là 10.000.000đ, Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc bà Thị Thu B số tiền vay là 10.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên không có lập văn bản nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/02/2024 bà Thị Thu B đã thừa nhận có nợ tiền bà Nguyễn Thị M số tiền là 10.000.000đ, xin trả mỗi tháng 500.000đ. Do đó việc bà Thị Thu B nợ bà Nguyễn Thị M số tiền là 10.000.000đ là sự thật.

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải trả đủ tiền, căn cứ theo quy định này bà M khởi kiện yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 10.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên bà B cho rằng hiện nay quá khó khăn xin trả mỗi tháng 500.000đ nhưng không được bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:  $10.000.000đ \times 5\% = 500.000đ$  Buộc bà Thị Thu B chịu; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị M

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3; Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Thị Thu B trả số tiền.

2. Buộc bà Thị Thu B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) .

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án, nếu bà Thị Thu B chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) Buộc bà Thị Thu Ba p chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000847 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Gò Quao;
- Chi cục Thi hành án Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hữu Thạnh**

